TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ- DKTB

Thái Bình, ngày 22 tháng 04 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2010 và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi bổ sung ngày 29/04/2021 và các Quyết định sửa đổi/bổ sung khác;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình số /BB-DKTB ngày 22/04/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình (PVOIL Thái Bình) diễn ra ngày 22/04/2025 đã biểu quyết thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và định hướng hoạt động năm 2025 (chi tiết tại Báo cáo đính kèm) với kết quả chỉ tiêu chính như sau:

1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	TH năm 2024	Tỷ lệ %	
						TH 2024/ KH 2024	TH 2024/ TH 2023
1	Kinh doanh xăng dầu	Nghìn m3	124,95	118,00	144,40	122%	116%
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	2.216,52	1.816,90	2.410,59	132%	110%
3	LNTT	Tỷ đồng	4,32	1,5	1,80	120%	42%

4	Nộp NSNN	tỷ đồng	186,4	183,2	196,57	107%	105%
5	Đầu tư CHXD	CHXD	3	2	2	100%	67%

1.2. Kế hoạch năm 2025:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	Ghi chú
I	**Chỉ tiêu sản lượng**			
1	Sản lượng xăng dầu	m^3	138.000	
1.1	Theo kênh tiêu thụ			
-	Bán buôn	m^3	85.000	
-	KHCN	m^3	14.500	
-	CHXD	m^3	38.500	
1.2	Sản lượng PVOIL Easy	m^3	3.650	Đơn vị đầu mối
2	Sản lượng kinh doanh dầu mỡ nhờn PVOIL Lube	lít	47.000	
3	Sản lượng condensate pha chế	m^3	1.214	
II	**Chỉ tiêu tài chính**			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	2.112,9	
-	Kinh doanh xăng dầu & condensate	Tỷ đồng	2.099,4	
-	Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	Tỷ đồng	13,5	
2	Giá vốn	Tỷ đồng	2.034,2	
-	Kinh doanh xăng dầu & condensate	Tỷ đồng	2.027,1	
-	Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	Tỷ đồng	7,1	
3	Lãi gộp	Tỷ đồng	78,7	
-	Kinh doanh xăng dầu & condensate	Tỷ đồng	72,3	
-	Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	Tỷ đồng	6,4	
4	Chi phí	Tỷ đồng	74,7	
-	Kinh doanh xăng dầu & condensate	Tỷ đồng	70,6	Bình quân 512 đồng/lít
	+ Chi phí cố định	Tỷ đồng	49,7	
	+ Chi phí biến đổi	Tỷ đồng	20,9	
-	Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	Tỷ đồng	4,1	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,0	
-	Kinh doanh xăng dầu & condensate	Tỷ đồng	1,7	
-	Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	Tỷ đồng	2,3	Trong đó LN từ cung cấp dịch vụ cho V-Green tại các CHXD là 2,2 tỷ đồng
6	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	109,0	
7	Tỷ suất LNTT/VĐL	%	3,7%	

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	Ghi chú
8	Các khoản nộp NSNN	Tỷ đồng	198,5	Đây là số tạm tính, Đơn vị thực hiện nộp theo quy định của Nhà nước.
III	**Kế hoạch vốn đầu tư**			
1	Đầu tư XDCB & mua sắm TTB	Tỷ đồng	25,00	
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	24,25	
-	Vốn vay và huy động khác	Tỷ đồng	0,75	
2	Số CHXD phát triển trong năm	Tối thiểu 02 CHXD		Theo nhiều hình thức: thuê dài hạn, tự đầu tư, hợp tác đầu tư, giới thiệu cơ hội để Tổng công ty đầu tư thành công…
IV	**Chỉ tiêu về lao động, tiền lương và đào tạo**			
1	Lao động tăng/giảm (+/-) trong năm	Người	+8	
2	Tổng quỹ tiền lương tạm tính	Tỷ đồng	21,43	
3	Đào tạo			
-	Số học viên	Người	102	
-	Kinh phí đào tạo	Tr. đồng	104,0	

2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và định hướng hoạt động năm 2025 (chi tiết tại Báo cáo đính kèm).

3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (Tờ trình đính kèm).

4. Thông qua Tờ trình quyết toán lương, thù lao năm 2024 và kế hoạch tiền lương thù lao năm 2025 của thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách (Tờ trình đính kèm).

5. Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2025:

5.1. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024:

Stt	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ	109.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	1.398.915.286
3	Các khoản trích vào LNST theo quy định	-
4	LNST năm 2024 trước khi trích lập các quỹ [(2)-(3) +(4)]	1.398.915.286

Stt	Nội dung	Giá trị (đồng)
5	Trích lập các quỹ năm 2024 [40%*(4)]	560.000.000
-	*Quỹ khen thưởng – phúc lợi [25%*(4)]*	*350.000.000*
-	*Quỹ thưởng người quản lý (HĐQT, Ban Điều hành, BKS) [10%*(4)]*	*140.000.000*
-	*Quỹ đầu tư phát triển [5%*(4)]*	*70.000.000*
6	Lợi nhuận năm 2024 còn lại sau khi trích quỹ [(4)-(5)]	838.915.286
7	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	1.463.461
8	Điều chỉnh lợi nhuận của năm trước	20.154.605
9	Chia cổ tức 2024	0
10	Lợi nhuận chuyển năm sau [(6)+(7)+(8)-(9)]	860.533.352

5.2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2024:

Stt	Nội dung	Diễn giải
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	LNST
2	Các khoản được trích vào LNST theo quy định	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 trước khi trích lập các quỹ	3 =1-2
4	Trích lập các quỹ: - Quỹ Khen thưởng – Phúc lợi của NLĐ - Quỹ thưởng Người quản lý - Quỹ Đầu tư Phát triển	Nguyên tắc trích lập các quỹ xem ở dưới bảng
5	Lợi nhuận còn lại năm 2025 sau khi trích lập các quỹ	5 = 3 - 4
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	
7	Lợi nhuận dùng để chia cổ tức năm 2025	7 = 5 + 6
8	Chia cổ tức năm 2025	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ LNST như sau:

(1) Tổng 2 quỹ Khen thưởng và Phúc lợi:

+ Công ty có lợi nhuận thực hiện bằng hoặc vượt kế hoạch: tối đa 03 tháng lương bình quân của Người lao động.
+ Công ty không đạt kế hoạch lợi nhuận và không lỗ trong năm: tối đa 03 tháng lương bình quân của Người lao động nhân với tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch.

(2) Quỹ thưởng của Người quản lý:

+ Công ty có lợi nhuận thực hiện bằng hoặc vượt kế hoạch: tối đa 1,5 tháng lương bình quân của Người quản lý công ty chuyên trách.
+ Công ty không đạt kế hoạch lợi nhuận và không lỗ trong năm: tối đa 01 tháng lương bình quân của Người quản lý công ty chuyên trách.

(3) *Quỹ Đầu tư phát triển:* Tỷ lệ trích Quỹ đầu tư phát triển trên cơ sở kế hoạch sử dụng Quỹ đầu tư phát triển nhưng đảm bảo không quá 30% và tổng tỷ lệ trích các quỹ không quá 40% LNST trước khi trích quỹ, trừ trường hợp đặc biệt thì phải có thuyết minh giải trình cụ thể để được xem xét, chấp thuận.

6. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025: Thông qua danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH Kiểm toán DELOITTE Việt Nam (Deloitte);
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;

Ủy quyền cho HĐQT Công ty chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán theo danh sách trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 theo đúng các quy định hiện hành.

7. Chấp thuận cho PVOIL Thái Bình ký kết các giao dịch mua bán xăng dầu với Tổng Công ty Dầu Việt Nam- CTCP (PVOIL) và các Đơn vị thành viên của PVOIL (tờ trình đính kèm).

8. Thông qua Tờ trình về việc bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình nhiệm kỳ 2025-2030 (Tờ trình đính kèm).

9. Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

a. Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030:

b. Thành viên BKS nhiệm kỳ 2025-2030:

Điều 2: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty: Ban hành các Nghị quyết/Quyết định về các nội dung đã được Đại hội thông qua.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TCT DVN - CTCP (để b/c);
- Cổ đông (để biết);
- BGĐ Cty (để biết&t/h);
- Ban KS Cty (để biết &t/h);
- Lưu: VT, NVT (01b).

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đoàn Duy Công